TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2022
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Thanh nhàn.

2. Bà Phan Thị Cẩm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thu Th**, sinh năm 1980

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Công T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Nguyên đơn bà* ***Nguyễn Thu Th*** *và ông* ***Huỳnh Công T*** *thống nhất xác định*: Vợ chồng chung sống với nhau năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Huỳnh Thảo A, sinh ngày 05/02/2004 và Huỳnh Cát L, sinh ngày 21/7/2014.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay vợ chồng thống nhất thỏa thuận:

1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn nhau, nhưng do ông bà từ trước đến nay chưa đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan chuyên môn nào cấp giấy chứng nhận kết hôn nên không thể ghi nhận;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Cát L cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con cùng bà Th sau khi vợ chồng ly hôn. Bà Th hiện có thu nhập ổn định mỗi tháng 6.000.000 đồng từ nghề mua bán nhỏ tại chợ khu phố 2, thị trấn VT; đối với Huỳnh Thảo A đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thu Th và bị đơn ông Huỳnh Công T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ đến các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thu Th và bị đơn ông Huỳnh Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thu Th và bị đơn ông Huỳnh Công T thống nhất vợ chồng từ khi chung sống với nhau đến nay không đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản, về nợ và về thu nhập của bà Th. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Th và bị đơn ông Huỳnh Công T chung sống với nhau từ năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như ông bà trong thời gian hai năm (từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003) nhưng ông bà vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Th và cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà Th có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự cùng nhau thống nhất xác định và tự thỏa thuận, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thảo A, sinh ngày 05/02/2004 và Huỳnh Cát L, sinh ngày 21/7/2014. Sau khi ly hôn, giao Huỳnh Cát L, sinh ngày 21/7/2014 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con cùng bà Th sau khi vợ chồng ly hôn. Đồng thời, cháu Huỳnh Cát L cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (bà Th, ông T) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Th. Việc bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của bà Th nêu ra và đã được ông T xác định đúng thì hiện nay bà Th có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó ông T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà Th. Đối với cháu Huỳnh Thảo A, sinh ngày 05/02/2004 đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp theo quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần ghi nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà Th và bị đơn ông T cùng thống nhất xác định, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thu Th có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thu Th và ông Huỳnh Công T.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thu Th và ông Huỳnh Công T, cụ thể: Sau khi ly hôn, giao Huỳnh Cát L, sinh ngày 21/7/2014 là con chung của hai người cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng *(đúng theo nguyện vọng của Huỳnh Cát L),* ông T không cấp dưỡng nuôi con cùng với bà Th sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Nguyễn Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003901 ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn VT;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh